TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày 03-5-2019
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Sang và bà Phạm Thị Hợi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hiên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Văn N**, sinh năm 1969;

2. Bị đơn: Bà **Bùi Thị N**, sinh năm 1968;

Đều ĐKHKTT: thôn Q, xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Ông N, bà N đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn ông Trần Văn N trình bày:

Ông và bà Bùi Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T năm 1988 (giấy chứng nhận kết hôn bản chính đã bị mất), có giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của UBND xã T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Thời gian trước khi xảy ra mâu thuẫn, ông ra ngoài làm ăn có quan hệ với người phụ nữ khác, mặc dù ông đã chấm dứt không còn quan hệ với người phụ nữ đó nữa nhưng bà N không tin, từ đó không còn tôn trọng, luôn nghi ngờ và hay gây sự ông nên cuộc sống lúc nào cũng ngột ngạt, căng thẳng, nhiều lần xẩy ra xô xát,

đánh cãi chửi nhau. Do cuộc sống không có hạnh phúc nên khoảng tháng 10/2018, bà N làm đơn xin ly hôn ông gửi Tòa án, sau đó bà N lại rút đơn vợ chồng về đoàn tụ nhưng vợ chồng chỉ ở với nhau một thời gian ngắn lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, đến khoảng tháng 12/2017 ông tiếp tục làm đơn xin ly hôn bà N thì được các con động viên, khuyên giải sau đó ông lại nghe các con rút đơn để vợ chồng về ở với nhau nhưng chỉ được thời gian ngắn lại xảy ra mâu thuẫn nhiều hơn. Từ tháng 01/2018 đến nay, vợ chồng ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà N để ổn định cuộc sống.

- *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn bà Bùi Thị N trình bày:* Về điều kiện và thời gian kết hôn đúng như ông N đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1991 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông N là người có lối sống không chung thuỷ, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác rồi về nhà gây sự, chửi bới, đánh đập bà, không quan tâm đến bà nữa, kinh tế làm được bao nhiêu ông N cũng mang đi vun vén cho người phụ nữ khác. Đến tháng 8/2017 do ông N đã có những hành động không tôn trọng bà như lai người phụ nữ khác đi ăn chơi, bà đã về nói ông N, nhưng ông N không nghe mà con đánh bà và đi sống với người phụ nữ khác. Tình trạng kéo dài được khoảng 2 đến 3 tháng thì bà đã tìm và gọi ông N về nhưng ông ấy không quay về, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đã làm đơn xin ly hôn ông N. Quá trình Toà án giải quyết thì gia đình và các con bà khuyên bà rút đơn nên bà đã rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên cũng chỉ được một thời gian ngắn ông N lại tiếp tục chung sống với người phụ nữ khác, về gây sự, chửi bới bà. Đến cuối năm 2017, ông N tiếp tục làm đơn xin ly hôn, lúc này bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc thì ông N bị ngã xe máy không có ai chăm sóc nên lại rút đơn về để chung sống với bà. Nay ông N lại tiếp tục làm đơn xin ly hôn bà. Mặc dù bà xác định giữa bà và ông N không còn tình cảm gì với nhau, và bà cũng không còn cần con người như ông N, tuy nhiên không thể để ông N ly hôn bà một cách dễ dàng như vậy mà bà chỉ nhất trí với điều kiện ông N phải bồi thường cho bà khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do đã đánh đập, chửi bới bà là 80.000.000 đồng.

- Về con chung: Ông N và bà N đều xác định vợ chồng có 03 con chung là Trần Thị H, sinh ngày 07/02/1990; Trần Thị H, sinh ngày 07/04/1994 và Trần Văn A, sinh ngày 02/01/1996. Hiện các con đều đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông N, bà N đều xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà đất nhưng đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án tiến hành làm việc với lãnh đạo UBND xã Tứ Xuyên và các đoàn thể địa phương để xác minh tình trạng hôn nhân của ông N, bà N. Tại biên bản xác minh ngày 09/4/2019, đại diện các ban ngành đoàn thể đều xác nhận: Quá trình chung sống vợ chồng ông N, bà N phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng ghen tuông, ông N không chung thuỷ trong quan hệ vợ chồng rồi về đánh cãi chửi nhau. Ông N, bà N đã nhiều lần đến UBND xã xin thủ tục ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn về. Hiện tại bà N sống tại địa phương còn ông N sống ở nơi khác thỉnh thoảng mới về. Vợ chồng ông N, bà N sống không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án căn cứ vào tình trạng hôn nhân của ông N, bà N để giải quyết theo quy định.

Về con chung, vợ chồng ông N, bà N có 03 con chung đều đã trưởng thành

Tại phiên toà, ông N, bà N vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông Trần Văn N được ly hôn bà Bùi Thị N; Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung: Ông N, bà N đều không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Ông Trần Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Ông Trần Văn N và bà Bùi Thị N kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 1988 (có xác nhận tình trạng hôn nhân của UBND xã T) là hôn nhân hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn, vợ chồng ông N, bà N chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian dài thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, mỗi người một quan điểm trái ngược nhau. Theo ông N trình bày: Bà N là người luôn nghi ngờ ông không chung thuỷ, mặc dù trước đây ông có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng đã chấm dứt song cũng từ đó bà N tỏ ra không tôn trọng, coi thường và luôn gây sự với ông nên vợ chồng thường xảy ra đánh cãi chửi nhau, cuộc sống rất căng thẳng. Theo bà N trình bày: Ông N là người sống không chung thuỷ, có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác nên về nhà thường xuyên chửi bới, đánh đập

xúc phạm bà. Từ tháng 01/2018 đến nay, bà và ông N sống ly thân, không còn quan tâm gì tới nhau. Lời khai của ông N và bà N phù hợp với các tài liệu do Tòa án xác minh, phù hợp với việc Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ đã 02 lần đình chỉ giải quyết vụ án, một lần do bà N làm đơn, một lần do ông N làm đơn. Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng ông N vẫn cương quyết xin ly hôn, bà N cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nhưng bà N chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện ông N phải bồi thường cho bà một khoản tiền tổn thất về tinh thần do đã đánh đập, xúc phạm bà là 80.000.000 đồng. Cho đến nay, bà cũng không quan tâm ông N sống ở đâu và sống với ai, bà không yêu cầu cơ quan chức năng xử lý ông N về việc chung sống với người khác vì bà cũng không cần một con người như ông N nữa. Thực tế từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, vợ chồng vẫn sống ly thân, tình cảm vợ chồng không có chuyển biến theo chiều hướng tích cực. Việc bà N đưa ra lý do yêu cầu ông N phải bồi thường khoản tiền 80 triệu đồng cho bà, bà mới đồng ý ly hôn là không thuyết phục. Từ những đánh giá nêu trên HĐXX có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng ông N, bà N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho ông N được ly hôn với bà N là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[5] Về nội dung bà N yêu cầu ông N phải bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do đã đánh đập, chửi bới xúc phạm bà là 80.000.000 đồng. Toà án đã giải thích rõ với bà N: Đối với hành vi yêu cầu đòi bồi thường tổn thất về tinh thần do ông N có hành vi đánh đập, chửi bới xúc phạm bà, gây thiệt hại tinh thần cho bà, bà phải làm đơn khởi kiện bằng vụ án khác và xuất trình các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của bà là có căn cứ và hợp pháp để nộp cho Tòa án và được Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu nên Toà án không giải quyết trong vụ án này.

[3] Về con chung: Ông N và bà N có 03 con chung là Trần Thị H, sinh ngày 07/02/1990; Trần Thị H, sinh ngày 07/04/1994 và Trần Văn A, sinh ngày 02/01/1996. Hiện các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Ông N, bà N đều không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Trần Văn N khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ông Trần Văn N được ly hôn bà Bùi Thị N.

2. Về án phí: Ông Trần Văn N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, theo biên lai số AA/2017/0005024 ngày 06/3/2019

4. Về quyền kháng cáo: Ông N, bà N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân